TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ TÂM LÝ NGƯỜI DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHẰM THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Phạm Văn Búa[1]

ABSTRACT

Local Mekong Delta have four ethnic as: Vietnamese, Cham, Khmer and Hoa. In there, Vietnamse take up majority. Although history, language, culture are different but in process cohabit and break fresh ground ethnic minorities have been unitting, interdepending together. Inheriting national cultural character and bring into playing the national traditions in dealing with natural calamities and enemy-inflited destruction, people in the Mekong delta had been summarized many highly valuable characters such as: industrious, hard-working, self-help for self-improvement, dynamic, creative, reslilient, undaunted,... Understanding these characters would help our Party in accomplishing successfully the great national unity in the process of making revolution.

Keywords: Block of great national unity, Mekong Delta

Title: Block of great national unity in the Mekong Delta

TÓM TẮT

Vùng đồng bằng sông Cửu Long có 4 cộng đồng dân tộc sinh sống là Việt, Chăm, Khơmer và Hoa. Trong đó, người Việt chiếm đa số. Mặc dù lịch sử hình thành, ngôn ngữ và có nét văn hóa khác nhau nhưng trong quá trình cộng cư và khẩn hoang các dân tộc đã đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Kế thừa bản sắc văn hoá dân tộc và phát huy trong cuộc đấu tranh chống thiên tai và địch họa, người dân đồng bằng sông Cửu Long đúc kết được nhiều đức tính quý báu như: chịu thương, chịu khó, tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, kiên cường, bất khuất,... Hiểu được đặc điểm ấy đã giúp Đảng ta thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong quá trình cách mạng.

Từ khóa: Đại đoàn kết dân tộc, dân tộc, đồng bằng sông Cửu Long

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc thực hiện chiến lược đoàn kết dân tộc của Đảng có liên quan mật thiết đến đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo, vùng miền, khu vực,… Chủ trương đường lối của Đảng có đi vào đời sống của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long và được nhân dân phấn khởi đón nhận hay không là phụ thuộc vào chỗ nó có phù hợp với thực tiễn và lợi ích của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long hay không. Vì thế, nắm chắc đặc điểm tâm lý, dân cư đồng bằng sông Cửu Long để từ đó hoạch định những chính sách phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân là yêu cầu cần thiết.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển đến nay, đồng bằng sông Cửu Long đã khẳng định vị thế của mình đối với sự phát triển của đất nước. Tiềm lực lớn nhất

[1] Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Cần Thơ

đồng bằng sông Cửu Long vẫn là con người, là khu vực dân cư đông đúc thứ 2 của cả nước, sau đồng bằng sông Hồng. Dân số toàn vùng cuối năm 2008 gần 18 triệu người, chiếm 20,6% dân số cả nước. Mật độ cư trú gần 500 người/km^2, gấp 1,7 lần mật độ bình quân cả nước. Dân cư sinh sống tập trung vùng ven sông Tiền, sông Hậu và thưa hơn ở các vùng sâu xa trong nội đồng như vùng U Minh, vùng Đồng Tháp Mười. Về quy mô dân số, tỉnh An Giang dẫn đầu khu vực với 2.231.000 người, thấp nhất là tỉnh Hậu Giang với 798.800 người. Về mật độ, thành phố Cần Thơ có mức độ tập trung dân cư đông nhất với 824 người/km^2; kế đến là các tỉnh Vĩnh Long, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre; thấp nhất là tỉnh Cà Mau, chỉ với 233 người/km^2. Số dân thành thị năm 2007 là 3.717.000 người, chiếm khoảng 21,2% dân số toàn vùng, điều này cho thấy rõ tính chất nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long. Dân số của vùng chủ yếu là dân cư nông thôn (trên 80%), lao động của vùng chủ yếu là lao động nông nghiệp (trên 70%). Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc còn cao so với mức bình quân chung. Lực lượng lao động ở đồng bằng sông Cửu Long chiếm 21,44% so với lực lượng lao động cả nước. Tuy nhiên chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm 83,25% (tỷ lệ chung cả nước là 74,6%). Với tỷ lệ này đồng bằng sông Cửu Long xếp thứ 7/8 vùng cả nước. Là vùng đất giàu tiềm năng nhưng cũng rất nhạy cảm chính trị, với 79, 11% dân số sống ở nông thôn, hầu hết là nông dân, khoảng 1,1 triệu đồng bào dân tộc Khmer và có nhiều tôn giáo.

Dù đặc điểm cư trú trước đây có khác nhau nhưng nhìn chung người dân đồng bằng sông Cửu Long đều có tính chịu khó, vượt qua những cảnh ngộ bất trắc của cuộc sống; tự chủ, tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, kiên cường, bất khuất, tinh thần hy sinh vì đại nghĩa, luôn coi trọng tình nghĩa trong mối quan hệ giữa người với người; có phong cách thực tế, minh bạch, cởi mở, phóng khoáng; có tình, có nghĩa, xã thôn và đồng loại, bình dị, chất phác trong sinh hoạt và có tình yêu thiên nhiên thật sâu đậm.

Điều đó đòi hỏi Đảng phải nắm chắc để có những chính sách phù hợp nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

2 NỘI DUNG

2.1 Đặc điểm dân cư đồng bằng sông Cửu Long

Trước hết, về người Việt. Theo tài liệu *"Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long"* của các tác giả Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường thì những lớp di dân người Việt đầu tiên vào vùng đất Đồng Nai - Gia Định đã ngợp lên trước khung cảnh một thiên nhiên mênh mông, hoang dại, chứa đựng đầy bí ẩn và những nguy hiểm. Cụ Lê Quý Đôn, trong "Phủ Biên Tạp Lục" (1776) có viết: Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm. Lớp cư dân Việt đầu tiên đến khai khẩn vùng đất Nam Bộ gồm những người nông dân xiêu tán, những người trốn tránh binh dịch, những tù nhân bị lưu đày, những binh lính đào ngũ hoặc giải ngũ, những thầy lang, thầy đồ nghèo, là lớp người tận cùng của xã hội từ vùng Ngũ Quảng vào. Còn theo quyển *"Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ"* của nhà sử học Huỳnh Lứa, vào thời điểm diễn ra các cuộc di dân, việc đi lại giữa các phủ Miền Trung với

vùng đất mới Đồng Nai - Gia Định chủ yếu bằng đường biển với phương tiện thuyền buồm. Thông thường những di dân người Việt đi vào vùng đất mới bằng hai cách: *Một là*, tự động đi. Trong cách này họ đi lẻ tẻ hoặc cả gia đình cùng đi, hay người khỏe mạnh đi trước, rồi sau đó đón gia đình vào hoặc một số gia đình, một số người kết lại thành nhóm cùng nhau đi. *Hai là,* họ tham gia vào các đợt di dân khẩn hoang do triều Nguyễn đứng ra tổ chức và bảo trợ. Qúa trình nhập cư của lưu dân người Việt diễn ra liên tục, có lúc lẻ tẻ, có lúc ào ạt, đợt di dân khẩn hoang lớn đầu tiên diễn ra vào thế kỷ XVII. Cuối thế kỷ XVII, Chúa Nguyễn bắt đầu đặt chính quyền, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, chia ranh giới, lập bộ đinh, bộ điền v.v… Tuy nhiên, lúc này, việc quản lý về mặt hành chính còn lỏng lẻo, dân chúng muốn đi đâu, lập ấp chỗ nào tùy ý. Trong hoàn cảnh như vậy, những người Việt di cư ưu tiên chọn những vùng đất tốt, thuận lợi cho việc mưu sinh và khẩn hoang như: họ chọn các giồng đất cao ven sông nơi có nước ngọt cho sinh hoạt và đất đay phì nhiêu, màu mở để trồng trọt. Họ còn chọn các vùng ven núi nơi có điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các nguồn lợi từ rừng như săn bắn, khai thác gỗ; họ chọn các vùng giồng cao ven biển, nhất những nơi có cửa sông tốt thuận lợi cho việc giao thương, đi lại. Nơi đây, họ sống bằng nghề chài lưới, nghề trồng trọt, nghề làm cá mắm, nghề làm muối,… Đến thế kỷ XVIII, việc khai phá tiếp tục được mở rộng thêm ở khu vực Bến Nghé và quanh Sài Gòn, nhiều xã, ấp tiếp tục được thành lập, nhiều chợ ra đời làm nơi trao đổi hàng hóa với nhau.

Cùng với việc khai phá vùng đất Sài Gòn, Gia Định, cũng trong thời gian này, lưu dân người Việt cũng tìm đến định cư và khai phá ở hai bờ Vàm Cỏ Tây, bờ Bắc và các cửa sông Tiền, gồm: Tân An (Long An) chạy thẳng tới Cai Lậy, Gò Công, Chợ Gạo,… (Tiền Giang). Ven Tháp Mười, ven khu tứ giác người Việt cũng bắt đầu khai phá. Nơi đây, có nhiều giồng nổi tiếng trù phú như: Tân Châu (An Giang) một cù lao lớn, đất đai phì nhiêu, khí hậu trong lành; vùng Cao Lãnh (Đồng Tháp), một vùng đất khá tốt, nơi thu thóc của các chúa Nguyễn. Các địa điểm định cư và khai phá được hình thành trên hầu khắp các cù lao (một kiểu đất nổi lên mặt nước được bồi đắp hằng năm) như: cù lao Tân Huề, cù lao Giêng, cù lao Ông Chưởng, cù lao Mây, cù lao Năm Thôn,… trên sông Tiền, cù lao Cát, cù Lao Dung,… trên sông Hậu. Phía bên kia Nam sông Tiền, từ đầu thế kỷ XVIII đã có một bộ phận cư dân người Việt đến sinh sống như khu vực Cái Mơn, Cái Nhum, Sóc Sãi, Mỏ Cày, Trà Vinh , Sóc Trăng,… Sang đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn cho đẩy mạnh việc khẩn hoang Nam Bộ. Vì thế, đã sử dụng nhiều biện pháp khuyến khích người khai hoang như: dành thủ tục dễ dãi cho người đi khai hoang, được lập làng mới dễ dàng, được miễn thuế một thời gian, được cho mượn hay cấp nông cụ, trâu bò, giống. Triều đình còn đứng ra tổ chức cho dân chúng, binh lính khai hoang qua hình thức lập ấp và lập đồn điền, nhất là vùng biên giới Châu Đốc, Vĩnh Tế (An Giang).

Như vậy, qua nhiều đợt di dân, người Việt từ Trung Bộ và Bắc Bộ đã trèo non, vượt biển tới lập cư ở vùng đất Nam Bộ nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, lúc nơi đây còn là vùng hoang dã, rừng rú rậm rạp, đầy muỗi mòng, rắn rết, thú dữ. Với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, những nhóm cư dân người Việt đã sớm thích nghi với môi trường mới, số dân tăng lên ngày càng cao và đã trở thành tộc người chủ thể của vùng. Người Việt đã cùng với người Khmer, Hoa Chăm khai

phá, chinh phục vùng đất châu thổ sông Cửu Long hoang vu thành vùng kinh tế nông, thương trù phú. Mặc dù phong tục, tập quán, tôn giáo khác nhau nhưng cùng sinh sống trên vùng đất miền Tây, tất cả các tộc người ở đây đã nương tựa vào nhau, đoàn kết chặt chẽ để chống thiên tai, địch họa. Họ đã tạo nên ở đây một nền văn minh nông nghiệp đặc sắc. Họ không sử dụng gầu giai, gầu sòng, đắp đê chống lũ mà chủ yếu là thích ứng với môi sinh, sử dụng hệ thống kênh, mương, sông rạch, động thái lên xuống của thủy triều, dòng chảy của kênh rạch để phục vụ sản xuất. Nền nông nghiệp ở đây cũng rất đa dạng như: trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, làm thủ công nghiệp,… trọng tâm là trồng lúa. Cũng chính vì thế mà sản phẩm nông nghiệp ở đây cũng rất phong phú và đa dạng và mang sắc thái của một nền kinh tế hàng hóa từ rất sớm. Những thương cảng lớn ra đời ở đây từ thế kỷ XVIII như: Thương cảng Nông Nại ở Biên Hòa, thương cảng Bãi Xấu ở Mỹ Xuyên (Sóc Trăng), thương cảng Hà Tiên (Kiên Giang), Phố chợ Mỹ Tho (Tiền Giang),…

Đặc điểm cư trú của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long cũng có những nét riêng. Nhà cửa trong xã, ấp không nằm giữa những lũy tre xanh bao bọc, mà xây dựng dọc theo bờ sông, kênh, rạch, phía trước ghe thuyền đi lại, xung quanh là vườn cây ăn trái, phía sau là ruộng đồng. Người Việt đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng nên những vùng quần cư phù hợp với điều kiện đa dạng của tự nhiên ở đây. Người Việt đã tự lập, tự quản thôn xã, lập miếu Hội đồng (đình làng) làm nơi hội họp công cộng và thờ Thành Hoàng làng, vui chơi trong những ngày lễ hội sau vụ mùa.

Từ giữa đầu thế kỷ XVIII đến giữa đầu thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn đã tiến hành mấy đợt khai thác nông nghiệp ở 2 trấn Vĩnh Thanh, Hà Tiên, Châu Đốc. Gia Long còn cho đào kênh trong đó có kênh Vĩnh Tế, nối liền sông rạch, mở đường giao thông, phát triển dân cư,... Là vùng sông nước, nên hoạt động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày của người dân đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là bằng ghe, thuyền với hàng chục loại khác nhau được chế tạo dùng để đánh bắt thủy hải sản, đi lại, vận chuyển hàng hóa, hành khách,... Văn hóa ẩm thực của cư dân đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú. Với hàng trăm loại gạo, nếp; hàng trăm loại rau đậu; hàng trăm loại cây ăn trái; hàng trăm loại cá, chim, thú ;… Các món ăn được chế biến phong phú vừa dân dã vừa ngon và rất bổ dưỡng nhưng cũng rất Nam Bộ bắt nguồn từ lao động đồng áng nhưng rất sáng tạo như: nướng lu, nướng trui, luộc, hấp,… và rất nhiều loại mắm, khô được chế biến để dự trữ.

Hình thức tín ngưỡng trong đời sống tinh thần của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú. Đó là tục thờ cúng tổ tiên ông bà, thờ các vị thần có công với đất nước, có công lập làng, lập ấp, khẩn hoang, thờ Bà Chúa Xứ, thờ cọp, thờ voi, thờ đá và các hình thức tín ngưỡng trong nông nghiệp, sản xuất. Tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống tâm linh của người Việt ở đây cũng rất phong phú, đa dạng. Các tôn giáo lớn trên thế giới như: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo tồn tại trong đời sống tâm linh của người Việt Nam đều tồn tại trong đời sống người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, nhiều tôn giáo mới, nội sinh đã ra đời ở đồng bằng sông Cửu Long như: Đạo Cao Đài với rất nhiều hệ phái, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ ân Hiếu Nghĩa. Tất cả các tôn giáo này đều hướng người Việt ở đây đến cái thiện, yêu nước và sống *"tốt đời, đẹp đạo"*.

Thứ hai, là người Khmer. Đây là tộc người có mặt rất sớm ở đồng bằng sông Cửu Long. *Ở vùng nội địa* (vùng phù sa màu mỡ dọc theo sông Tiền và sông Hậu), người Khmer đã xuất hiện trước thế kỷ XVII. Ở đây, người Khmer xây dựng làng trên những giồng đất độ cao cách mặt đất ruộng không quá 5 mét. Tổ chức làng xã của người Khmer gọi là Phum, Sóc. *Ở vùng ven biển* có người Khmer sinh sống là ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Ở vùng này là những nhóm nông dân có đời sống thấp, vùng đất bị nhiễm mặn, cây cối cằn cỗi vì thiếu nước ngọt, gia súc kém phát triển. Vì thế người Khmer ở đây rất quan tâm đến việc xây dựng hệ thống thủy lợi, đắp đê ngăn mặn, đào mương để đưa nước sông vào sổ phèn, đắp bờ vùng để giữ nước ngọt. *Người Khmer cư trú ở vùng đồi núi Tây Nam* gồm: Vùng Bảy núi, vùng tứ giác Long Xuyên, dọc biên giới Campuchia thuộc hai tỉnh An Giang và Kiên Giang thì thưa thớt hơn, các Phum, Sóc được xây dựng cách xa nhau và được xây trên các sườn đồi núi. Ở đây, họ làm nghề đục đá, làm cối đá, nghề gốm,… Tuy nhiên, nghề nông là hoạt động chủ yếu, có vai trò quan trọng chi phối toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Sản xuất nông nghiệp của người Khmer mang tính độc canh, trồng lúa là chủ yếu, còn cây ăn quả và hoa màu chưa được chú ý thỏa đáng; sản xuất nhỏ và còn phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên; kinh tế còn mang tính tự cấp, tự túc; kinh tế hàng hóa chưa phổ biến, việc trao đổi hàng hóa còn hạn chế. Tuy nhiên, người Khmer đồng bằng sông Cửu Long có nền văn hóa phát triển toàn diện, phong phú và đa dạng. Hoạt động văn hóa chiếm vị trí quan trọng trong đời sống người Khmer Nam Bộ. Tín ngưỡng tôn giáo chính của người Khmer là Phật giáo tiểu thừa, một bộ phận theo Công giáo và rất nhiều lễ hội khác như: Cholchnamthmay (Lễ vào năm mới), lễ hội Dônta (cúng ông bà), lễ Okombok (lễ cúng trăng),…

Thứ ba, là người Hoa, có mặt ở vùng đất đồng bằng sông Cửu Long vào nửa sau thế kỷ XVII. Lúc đầu những nhóm di dân người Hán đến khai phá ở đây là những binh lính thuộc tỉnh Quảng Đông trung thành với nhà Minh không chịu khuất phục triều đình Mãn Thanh. Họ được triều đình Nhà Nguyễn cho vào vùng đất Gia Định để khai khẩn vùng đất thuộc Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Đến năm 1715, một cuộc di dân lớn từ vùng đất Triều Châu đổ bộ lên vùng đất Hà Tiên (Kiên Giang). Đến đầu thế kỷ XIX, lớp di dân người Hoa có xu hướng Việt hóa rõ nét. Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long phần đông là người gốc Triều Châu. Vì vậy ngôn ngữ chính là tiếng Triều Châu (tiếng Tiều). Hầu hết người Hoa đều biết tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long cư trú thành từng cụm sống xen kẽ với người Việt, người Khmer. Số người lai chủng giữa người Hoa với người Việt và người Khmer chiếm tỷ lệ khá đông. Đời sống văn hóa của người Hoa vẫn còn lưu giữ lại những nét văn hóa của tộc người Hán ở Trung Quốc, được mang theo, làm nền tảng tinh thần cho sinh hoạt văn hóa của người Hoa ở Việt Nam, nó tồn tại với tư cách là một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Cụ thể là kiểu phân bố nhà, cách ăn mặt, các loại hình nghệ thuật dân gian, múa cung, múa lân, múa rồng,… đến các cơ sở vật chất như: chùa chiền, miếu mạo, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng, tang ma, nghĩa địa,… vẫn còn hiện diện, lưu giữ và không ngừng được phát triển trong cuộc sống của người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long. Người Hoa ở Việt Nam gần 01 triệu người, đứng thứ năm trong 54 dân tộc anh em, chiếm 1,1%

dân số cả nước, sống tập trung tại các tỉnh phía Nam, nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng ở đồng bằng sông Cửu Long là gần 300 ngàn người, tập trung nhiều nhất là các tỉnh: Sóc Trăng, tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, An Giang, Trà Vinh, còn lại là rãi rác các tỉnh khác. Người Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long sống tập trung ở các khu vực thành thị (chiếm đến 75%), thuận lợi cho việc buôn bán và làm các nghề thủ công, công nghiệp. Người Hoa có đức tính cần cù, nhẫn nại, chịu cực, chịu khó trong lao động. Vì thế, người Hoa thường có câu:

"Buôn bán nho nhỏ thành gia thất
Làm công tài khéo sống qua ngày".

Số người Hoa còn lại sống ở các khu vực ruộng rẫy, chủ yếu là trồng các loại hoa màu nổi tiếng ở đồng bằng sông Cửu Long như: Hỏa Lựu (Vị Thanh - Hậu Giang) vùng đất trồng khóm (thơm); Vĩnh Châu (Sóc Trăng) người Triều Châu trồng hành tỏi,… Bạc Liêu, Sóc Trăng là nơi hội tụ người Hoa - Triều Châu, nên có câu:

Bạc Liêu là xứ quê mùa.
Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu''.

Bốn là, Người Chăm, có mặt ở đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ nửa đầu thế kỷ XIX, là một bộ phận của người Chăm từ miền Nam Trung Bộ vào sinh sống. Đầu tiên là một bộ phận người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận và một số địa phương ở miền Nam Trung Bộ di cư sang Campuchia sau đó định cư nhiều nhất là ở Châu Đốc (An Giang). Ở đây, người Chăm định cư thành từng làng dọc theo sông Hậu, trên các cù lao thuộc huyện Châu Phú, huyện Phú Tân, huyện An Phú - An Giang. Sau khi miền Nam được giải phóng, một bộ phận đi lập nghiệp ở các khu kinh tế mới và lập nên những xóm mới như ở huyện Châu Thành - An Giang. Kinh tế của người Chăm đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú và năng động, kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp với đánh bắt cá, dệt thủ công và buôn bán. Nét riêng hoạt động buôn bán của người Chăm là họ không mở cửa hiệu ở nơi cư trú mà mua bán và trao đổi hàng hóa các nơi với nhau. Nghề khá phát triển của người Chăm ở An Giang là nghề dệt thủ công truyền thống. Khung cửi ở đây được cải thiện một bước so với khung cửi của người Chăm ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Phụ nữ Chăm bị hạn chế trong tham gia các hoạt động xã hội, vì vậy nghề dệt rất phù hợp với họ. Ngoài nghề dệt, người Chăm còn làm nghề đánh bắt cá nước ngọt, đặc biệt là người Chăm ở hai bên bờ sông Hậu. Tín ngưỡng tôn giáo chi phối sâu sắc đến đời sống tinh thần, văn hóa và cả kinh tế, xã hội của người Chăm đồng bằng sông Cửu Long là Hồi giáo. Với người Chăm Hồi giáo, kinh Coran không chỉ là lẽ sống, là đạo đức của họ mà còn thể hiện cách ứng xử và pháp luật quản lý xã hội. Người Chăm theo Hồi giáo có những tập tục quan trọng như: giữ tháng Ramadan, hành hương tới thánh địa Mecque, bố thí hàng năm.

Như vậy, đồng bằng sông Cửu Long là vùng đa văn hóa, nơi hội tụ nhiều cộng đồng dân cư với nhiều tôn giáo du nhập từ bên ngoài, đặt biệt là sự ra đời của các tôn giáo nội sinh. Các dân tộc đã gắn bó với nhau trong quá trình khai phá đất đai, xây dựng làng xã và cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống thiên nhiên và địch họa. Tuy mỗi dân tộc có một nền văn hóa riêng và những nét văn hóa đặc sắc của từng dân tộc vẫn được bảo tồn và phát huy nhưng trong quá trình chung sống, lao động, nhất là qua việc cưới vợ, gả chồng giữa các dân tộc, Việt, Khmer, Hoa và Chăm đã

diễn ra sự giao lưu văn hóa tích cực đã làm phong phú thêm đời sống văn hóa của người dân ở đây.

Nhìn chung, dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long sinh sống tập trung vùng ven sông Tiền, sông Hậu và thưa dần ở các vùng sâu xa trong nội đồng như vùng U Minh, vùng Đồng Tháp Mười. Về mật độ, thành phố Cần Thơ có mức độ tập trung dân cư đông nhất với 824 người/km^2; thấp nhất là tỉnh Cà Mau, chỉ với 233 người/km^2. Dân số của vùng chủ yếu là dân cư nông thôn (trên 80%), lao động của vùng chủ yếu là lao động nông nghiệp (trên 70%). Dù lịch sử hình thành, ngôn ngữ và có nét văn hóa khác nhau nhưng trong quá trình cộng cư và khẩn hoang các dân tộc đã đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

2.2 Đặc điểm tâm lý con người ở đồng bằng sông Cửu Long

Kế thừa bản sắc văn hoá dân tộc và phát huy trong cuộc đấu tranh chống thiên tai và địch họa, người dân đồng bằng sông Cửu Long đúc kết được nhiều đức tính quý báu.

Một là, tính chịu thương, chịu khó, vượt qua những cảnh ngộ bất trắc của cuộc sống; tự chủ, tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, kiên cường, bất khuất.

Đa số người Việt xưa đều tin rằng, con người sống đều có số mệnh nên người Việt nói chung và người dân đồng bằng sông Cửu Long nói riêng có sức chịu đựng phi thường. Sức chịu đựng ấy từ xa xưa đã trở thành triết lý "Chịu đựng là để sống còn, để bảo tồn nòi giống". Những người lưu dân xưa kia chủ yếu là nông dân từ Bắc, Trung vào đây để khai phá và sinh sống, nên với họ mảnh đất khai phá dù nhỏ nhưng là "của mình", "vào tay mình", nó giúp cho họ độc lập về kinh tế. Với nền kinh tế độc lập này tạo cho con người nơi đây một ý thức rõ và mạnh mẽ về vai trò của cá nhân, cũng như ý niệm sống bất trắc của cuộc đời. Họ thích sống tự lập, mỗi người làm chủ một mãnh đất riêng, địa bàn riêng cho dù ở bất cứ nơi đâu.

Hai là, tinh thần trọng nghĩa khinh tiền tài, tinh thần hy sinh vì đại nghĩa, luôn coi trọng tình nghĩa trong mối quan hệ giữa người với người; có phong cách thực tế, minh bạch, cởi mở, phóng khoáng; có tình, có nghĩa, xã thôn và đồng loại,...

Những người nông dân đến đây cũng là những con người ít nhiều có đầu óc mạo hiểm, chấp nhận mọi nguy hiểm. Đây cũng là đức tính, mà việc mở mang những vùng đất mới đầy dẫy những khó khăn, nguy hiểm nơi đây đào luyện nên, họ không bao giờ chịu lùi bước trước những trở ngại của thiên nhiên, cũng như không bao giờ chịu luồn cúi trước sức mạnh phi nghĩa. Trừ một số ít những người có tiền của, có quyền thế chiêu mộ dân nghèo đi khẩn hoang để làm giàu, thì hầu hết những người nông dân di cư vào đây đều là những người nghèo khổ, liều mình đi tìm đất sống. Cho nên bên cạnh việc có sẵn trong dòng máu truyền thống đoàn kết của dân tộc, họ càng thương yêu đùm bọc nhau hơn, giúp đỡ nhau, tạo dựng cuộc sống, nhất là trước một hoàn cảnh hoàn toàn mới lạ và đầy rẫy khó khăn, với rừng rậm đầy thú dữ, với sông sâu nhiều cá sấu, lại chưa quen thủy thổ, bị nhiều thứ bệnh tật đe dọa,… Thường họ kết nghĩa với nhau và một khi đã kết nghĩa với nhau thì họ sống chết có nhau, thương yêu đùm bọc nhau, tình cảm của họ gắn kết thật sâu đậm. Chinh phục hoang vu để tạo ra đất sống và chấp nhận một cuộc chiến đấu cực kỳ gian khổ: chống thú dữ, cá sấu và muỗi mòng, khắc phục những hiện tượng

thiên nhiên mà con người chưa nắm được quy luật, chứ không phải là chuyện "làm chơi ăn thiệt". Cuộc chiến đấu này đòi hỏi một sức mạnh có tổ chức, có chỉ huy, một sự liên kết chặt chẽ, một tình cảm chia ngọt sẻ bùi. Lại cũng vì họ là những con người do lâm vào hoàn cảnh bế tắc, phải ra đi tìm cái sống trong muôn ngàn cái chết, cho nên họ rất chuộng nghĩa khí, quý trọng tình bạn bè, tình huynh đệ giang hồ, nghĩa hiệp, coi khinh tiền tài như cỏ rác, sẵn sàng xả thân vì nghĩa "có câu kiến nghĩa bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Việc nghĩa theo quan niệm thông thường của nhiều người là bênh vực những người yếu đuối hoặc sa cơ thất thế, chống lại cường quyền hoặc bạo lực phi nghĩa như trường hợp Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga. Cha ông ta ngày xưa dù đã ra đi với mục đích hay lý do gì khi rời làng quê, từ giã mồ mã ông cha, bà con xóm giềng cũng đều rất xót xa, cho nên trên xứ người nếu gặp người cùng quê, "đồng hương" là một chuyện may mắn. Sống ở xứ lạ tài năng cần bộc lộ ở việc làm cụ thể, còn đức độ cần biểu hiện ở cách cư xử sao cho đúng nghĩa. Họ thích làm quen với những người nghèo, chân thật và trọng nghĩa khí, chán ghét những người đạo đức giả, xu nịnh, thay lòng đổi dạ, bán đứng bạn bè,… Người dân nơi đây rất coi trọng tình nghĩa trong mối quan hệ giữa người với người. Tình ở đây là tình yêu thương, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn, còn nghĩa là nghĩa thủy chung, lòng sắt son trước sau như một, lẽ phải và là nghĩa lý.

Ba là, đức tính bình dị, chất phác trong sinh hoạt và tình yêu cảnh vật, cỏ cây, sông nước thật sâu đậm của người dân đồng bằng sông Cửu Long.

Sống xa quê hương cố quán, nhà không rào, xóm làng không có lũy tre bao bọc, con người nơi đây rất cần tình bạn và lòng hiếu khách, và chính môi trường sống đã tạo cho con người nơi đây biết sống vì nhau, biết đoàn kết với nhau để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Chính vì vậy, tính thật thà, bình dị, chất phác, lòng nhân hậu nơi mỗi con người nơi đây càng làm cho họ trở nên dễ thân tình. Trong nếp sống, cách suy nghĩ và nói năng của người nông dân nơi đây luôn thể hiện sự bộc trực, thẳng thắn, ít thích văn chương rào đón. Tính bình dị, chất phác, yêu cỏ cây, yêu cảnh vật, nếp sống của người dân nơi đây còn được biểu hiện rõ trong ăn uống, trang phục, trò giải trí "cây cảnh", thú vui trồng hoa, chơi cảnh,... Đức tính này trải qua bao thế hệ vẫn được bảo tồn, là một nét rất đẹp trong quan hệ giữa người với người nơi đây.

Mỗi dân tộc có những đức tính tốt đẹp : Người Kinh nghĩa khí, đoàn kết; người Hoa cần cù, nhẫn nại, chịu cực, chịu khó trong lao động; người Chăm và Khmer thật thà, chất phát, yêu lao động, yêu chân lý,... Tất cả hòa quyện thành những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam trong quá trình cộng cư và được phát huy cao độ trong quá trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3 KẾT LUẬN

Tất cả những đức tính tốt đẹp của người dân đồng bằng sông Cửu Long đã được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nắm chắc đặc điểm dân cư này của đồng bằng sông Cửu Long là yêu cầu bức thiết để Đảng và Nhà nước ta đề xuất chính sách

vừa phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng, vừa "thấu tình, đạt lý" nhưng cũng phát huy được tối đa khối đại đoàn kết toàn dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng (2005), truyền thống đấu tranh cách mạng của đồng bào Hoa tỉnh Sóc Trăng (1930 - 1975).

Phạm Văn Búa (2009), "Quá trình thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng bộ Trà Vinh trong sự nghiệp đổi mới", Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6-2009.

Phạm Văn Búa (2009), Chuyên đề "Tìm hiểu đặc điểm văn hóa và thực hiện tốt chính sách văn hóa đối với đồng bào Khmer – yêu cầu bức thiết nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình đô thị hóa ở ĐBSCL", Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực IV, Đề tài khoa học - công nghệ cấp Nhà nước, do TS.Trương Quang Khải làm chủ nhiệm (15 - 4)

Trần Văn Bính (2004), Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ - Thực trạng và những vấn đề đặt ra, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Phạm Minh Hạc, Nguyễn Khoa Điềm (2004), Về phát triển Văn hóa và xây dựng con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.